

Tp Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 3 năm 2023

**KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2022
(Trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023)**

Stt	CÁC CHỈ TIÊU	Đơn vị tính	Kế hoạch 2022	TH năm 2022	TH /KH năm
1	Sản phẩm chủ yếu				
1.1	Than mua	1000 tấn	900.000	977.061	108,56
1.2	Than tiêu thụ	1000 tấn	900.000	962.463	106,94
2	Tổng doanh thu	Tr.đ	2.746.282	3.675.442	133,83
	- Kinh doanh than trực tiếp	Tr.đ	2.567.282	3.492.493	
	- Dịch vụ giao than hộ lớn	Tr.đ	12.000	17.148	
	- Dịch vụ vận chuyển alumina	Tr.đ	154.000	153.704	
	- Kinh doanh khác	Tr.đ	13.000	12.097	
3	Giá vốn hàng hóa bán ra	Tr.đ	2.401.893	3.300.847	137,43
4	Giá trị sản xuất	Tr.đ	344.358	374.595	108,78
*	Giá trị sản xuất tính lương	Tr.đ	73.524	88.127	119,86
5	Tổng chi phí trong kỳ	Tr.đ	332.889	353.095	106,07
5.1	Chi phí trung gian	Tr.đ	305.545	320.839	
5.2	Giá trị gia tăng	Tr.đ	27.344	32.256	
	-KHTS	Tr.đ	366	366	
	-Tiền lương	Tr.đ	25.100	30.051	
	-Bảo hiểm	Tr.đ	1.869	1.830	
	-Thuế trong giá thành	Tr.đ	9	9	
6	Lợi nhuận trước thuế	Tr.đ	11.500	21.500	186,96
7	Lao động, thu nhập, đơn giá tiền lương				
	- Lao động định mức	ng	200	200	100,00
	- Tiền lương bình quân	1.000 đ	10.458	12.521	119,73
	- Đơn giá tiền lương/ (1.000đ GTSX)		341	341	100,00

**TM. HĐQT
CHỦ TỊCH**



Vĩnh Như

TỔNG HỢP CÁC CHỈ TIÊU CHỦ YẾU KẾ HOẠCH SXKD NĂM 2023
(Trình ĐHCĐ thường niên năm 2023)

SỐ TT	CHỈ TIÊU	Đơn vị tính	Thực hiện Năm 2022	Kế hoạch năm 2023
1	Sản phẩm chủ yếu			
a	Than mua	1000 tấn	977.061	900.000
b	Than tiêu thụ	"	962.463	900.000
2	Tổng Doanh thu	Tr.đ	2.734.068	3.738.500
	- Kinh doanh than trực tiếp	"	3.492.493	3.568.000
	- Dịch vụ giao than hộ lớn	"	17.148	16.000
	- Dịch vụ vận chuyển Alumina	"	153.704	153.000
	- Kinh doanh khác	"	12.097	1.500
3	Giá vốn hàng hoá bán ra	Tr.đ	3.300.847	3.364.600
4	Giá trị sản xuất	Tr.đ	374.595	373.900
	Giá trị sản xuất tính lương	Tr.đ	88.127	88.900
5	Tổng chi phí trong kỳ	Tr.đ	353.095	362.400
a	Chi phí trung gian	"	320.839	329.928
b	Giá trị gia tăng	"	32.256	32.472
	- KHTS	"	366	318
	- Tiền Lương	"	30.051	30.315
	- Bảo hiểm	"	1.830	1.830
	- Thuế trong giá thành	"	9	9
6	Lợi nhuận trước thuế	Tr.đ	21.500	11.500
7	KH chi trả cổ tức 2023	%	20	10
8	Lao động, thu nhập và đơn giá tiền lương			
	- Lao động định mức	Người	200	200
	- Tiền lương bình quân theo định mức	1000 đồng	12.521	12.631
	- Đơn giá tiền lương/GTSX	đ/1000 đ	341	341
9	Nộp ngân sách		Theo quy định	

Tp. HCM ngày 27 tháng 03 năm 2023

CHỦ TỊCH HĐQT



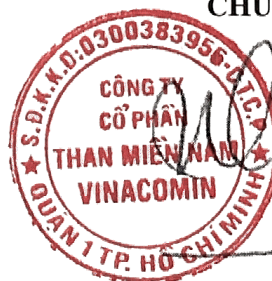
Vĩnh Như

Tp Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 3 năm 2023

PHƯƠNG ÁN PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN NĂM 2022
(Trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023)

STT	Nội dung	ĐVT	Giá trị
I	Tổng lợi nhuận trước thuế	tr.đ	21.500
III	Lợi nhuận sau thuế	tr.đ	17.144
IV	Phân phối lợi nhuận		
1	Trả cổ tức		
	- Vốn điều lệ	tr.đ	51.806
	- Tỷ lệ chia cổ tức theo NQ của ĐHCĐ năm 2022	%	10
	- Cty dự kiến tỷ lệ trả cổ tức từ lợi nhuận thực hiện	%	20
	- Giá trị cổ tức tính theo tỷ lệ trả cổ tức dự kiến	tr.đ	10.361
3	Lợi nhuận còn lại	tr.đ	6.783
a	Trích quỹ đầu tư phát triển	tr.đ	2.727
b	Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	tr.đ	3.756
c	Trích quỹ thưởng viên chức quản lý DN	tr.đ	300
d	Số lợi nhuận còn lại sau khi đã chia cổ tức và trích các quỹ trên	tr.đ	-

TM. HĐQT
CHỦ TỊCH



Vĩnh Như

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ XÂY DỰNG NĂM 2023
(Trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023)

ĐVT: triệu đồng

Stt	Chỉ tiêu	Tổng số	Kế hoạch năm 2023							
			Trong đó			Tổng nguồn vốn chia ra				
			Xây lắp	Thiết bị	khác	Quỹ ĐTP	Vay	KHCB & Vốn CSH	Khấu hao	Huy động
I	Công trình trong kế hoạch									
1	Thiết bị văn phòng + Thí nghiệm than	1.000	500	500		1000				
2	Thiết bị bóc xúc kho than Gò Dầu	5.500		5.500		5.500				
TỔNG CỘNG		6.500	500	6.000	-	6.500				

TM HĐQT
CHỦ TỊCH



Vĩnh Như

KẾT QUẢ THỰC HIỆN TIỀN LƯƠNG HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN KIỂM SOÁT CÔNG TY NĂM 2022
(Trình Đại hội cổ đông thường niên năm 2023)

Tp HCM, ngày 29 tháng 3 năm 2023

Số	Họ và tên	Số lượng	Hình thức làm việc	Quỹ lương năm 2022 (đ)		
				Kế hoạch	Thực hiện	Tỉ lệ (%)
I	Hội đồng quản trị					
1	Chủ tịch	1	Kiên nhiệm	58.320.000	58.320.000	100
2	Ủy viên HĐQT	2	Kiên nhiệm	99.360.000	99.360.000	100
II	Ban kiểm soát			-	-	
1	Trưởng Ban	1	Kiên nhiệm	49.680.000	49.680.000	100
2	Ủy viên BKS	2	Kiên nhiệm	90.720.000	90.720.000	100
	Tổng cộng			298.080.000	298.080.000	100

TM. HĐQT
CHỦ TỊCH



Vĩnh Như

KẾ HOẠCH PHỤ CẤP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT CÔNG TY NĂM 2023
(Trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023)

Tp HCM, ngày 27 tháng 3 năm 2023

Stt	Chức danh	Tiền lương 1 tháng theo vị trí công việc	Mức phụ cấp (%)	Thu nhập/tháng	Thu nhập cả năm	Ghi chú
I	Hội đồng quản trị					
1	Chủ tịch	24.300.000	20	4.860.000	58.320.000	
2	UV HĐQT 1	20.700.000	20	4.140.000	49.680.000	
3	UV HĐQT 2	20.700.000	20	4.140.000	49.680.000	
II	Ban Kiểm soát					
1	Trưởng ban	20.700.000	20	4.140.000	49.680.000	
2	Ủy viên Ban KS 1	18.900.000	20	3.780.000	45.360.000	
3	Ủy viên Ban KS 2	18.900.000	20	3.780.000	45.360.000	
	Tổng cộng	124.200.000	120	24.840.000	298.080.000	

TM. HĐQT
CHỦ TỊCH



Vĩnh Như